

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 06 – 3 – 2026.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Trung D, sinh năm: 1982 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú Ân, xã Trung Ng, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1971 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Trường Ph, xã Trường Long T, thành phố Cần Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Trung D trình bày: Trước đây, ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2024. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không thể hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên ông Dũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Dung.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: bà D và ông Dũng tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2024. Quá trình chung sống vợ chồng có cự cãi qua lại, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng cũng không còn hạnh phúc nên bà D đồng ý ly hôn với ông Dũng.

Về con chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên ông Phạm Trung D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Dung, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn xã Trường Long Tây, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Trung D và bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Dũng và bà Dung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2024. Được Ủy ban nhân dân xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2024 nên hôn nhân giữa ông Dũng và bà D được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa ông Dũng và bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông D và bà D nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, hai bên cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ đó ông Dũng và bà D đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có

trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, ông D đã được Tòa án phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía ông D vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà D. Về phía bị đơn bà D trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự cũng đồng ý ly hôn với ông Dũng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Dũng và bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Dũng xin ly hôn với bà D là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Phạm Trung D được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Phạm Trung D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trung D về việc xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Phạm Trung D được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

4. Về con chung: Không có.

5. Về tài sản chung: Không có.

6. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Phạm Trung D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Dũng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005244 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành tiền án phí. Ông D đã nộp xong.

8. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- THA DS TP. Cần Thơ;
- VKSND KV 14;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình Võ Văn Trường

Nguyễn Thị Thúy Hương

